

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12- 8- 2022

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:45/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Công T - sinh năm: 1987

Nơi ĐKNKTT: Đội 2, xã H, huyện H, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 03, ngõ 18 Định C, quận H - H

Nơi công tác: Công ty cổ phần K

Địa chỉ: Số 25 Lạc Trung, quận Hai B- TP. H - (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1987

Trú quán: Số nhà 27, đường Phan Kế T, khu phố 8, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

Nơi công tác: Nhà máy xi măng Lo, phường Đ, thị xã B, tỉnh T - (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2022 và bản tự khai ngày 28/5/2022 nguyên đơn anh Lê Công T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau, không ai nhường nhịn ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân 2 năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Lê Công K(Giới tính: nam), sinh ngày 09/4/2013. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng theo thỏa thuận của hai vợ chồng. Thu nhập bình quân 1 tháng của anh là 8.000.000đ

- Về tài sản: Vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 tại số nhà 31 Phan Kế Toại, phường Đ, thị xã B. Diện tích 100m², ngôi nhà được ông bà Nguyễn Hữu T bán lại cho 2 vợ chồng. Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 28/5/2022 chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Lê Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và liên tục xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau, vợ chồng chị đã ly thân 3 năm nay. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu anh T làm đơn ly hôn thì chị cũng đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Lê Công K (giới tính: nam), sinh ngày 09/4/2013. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng là 2.500.000đ. Hiện nay thu nhập bình quân của chị một tháng là 8.000.000đ(Tám triệu đồng).

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2022 ông Nguyễn Bá C trưởng khu phố 8, phường Đ cho biết; Anh Lê Công T và chị Nguyễn Thị C là vợ chồng hợp pháp, có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu phố 8, phường Đ, thị xã B. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có sự nhường nhịn nhau. Do vậy ông cung cấp thông tin để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại buổi hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2022 anh Lê Công T cương quyết xin ly hôn với chị Nguyễn Thị C, chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nếu anh

T ly hôn thì chị cũng nhất trí. Về con cái hai bên thống nhất giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Công K(nam) sinh ngày 04/9/2013 cho chị C nuôi dưỡng, tuy nhiên về cấp dưỡng chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K 2.500.000đ/ tháng, anh T không đồng ý và có quan điểm nếu chị C nuôi thì anh không cấp dưỡng mà anh sẽ có trách nhiệm theo khả năng của mình, còn nếu anh nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh Lê Công T và chị Nguyễn Thị C đều có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, anh T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C và có quan điểm đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng, tuy nhiên anh không cấp dưỡng nuôi con, còn nếu chị C không nuôi con thì giao con cho anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Chị C xét thấy không thể níu kéo được tình cảm vợ chồng nên cũng đồng ý ly hôn và xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công Thìn

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Công T và chị Nguyễn Thị C.

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Công K(nam) sinh ngày 09/4/2013 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Công T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu K đến tuổi thành niên.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: - Đề nghị buộc anh Lê Công T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Lê Công T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh Lê Công T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị C. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Anh Lê Công T và chị Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng P, huyện H, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Thìn cương quyết xin ly hôn chị C, chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng 3 năm nay anh T ở tại Hà Nội còn chị C ở tại khu phố 8, phường Đ, thị xã B, hai vợ chồng ở xa nhau không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, chị C công nhận thuận tình ly hôn giữa hai vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Lê Công K(nam) sinh ngày 09/4/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T đồng ý giao cháu K cho chị Chính nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con còn nếu chị C giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Chị C không đồng ý với yêu cầu của anh T, chị xin được nuôi cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy cháu K hiện nay đang còn nhỏ và có nguyện vọng xin ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp.

Về khoản cấp dưỡng HĐXX xét thấy hiện nay cháu Khánh đang chuẩn bị vào lớp 4, nhu cầu sinh hoạt, chi phí học hành nhiều. Tại phiên tòa anh T khai mức thu nhập bình quân của anh là 11.000.000đ, chị C khai mức thu nhập bình quân của chị từ 8.000.000đ đến 10.000.00đ. Mức chi phí sinh hoạt cho cháu K tại địa bàn thị xã B

nên chấp nhận ở mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng. Vì vậy, buộc anh Lê Công T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Công K mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Công T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Thìn đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bầm Sơn ngày 27/5/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/0005134. Như vậy, anh Lê Công T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Công T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công T

- Về hôn nhân: Anh Lê Công T và chị Nguyễn Thị C thuận tình ly hôn.
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu là Lê Công K(nam) sinh ngày 09/4/2013 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Công T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu K đến tuổi thành niên(đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm(12/8/2022).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Công T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 27/5/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/0005134. Như vậy, anh Lê Công T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Công T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Lê Công T, chị Nguyễn Thị C. Anh T, chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(12/8/2022).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Bim sơn;

- Dương sự;

- UBND xã H,

huyện H(ĐK 27/02/2012)

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

-THA Dân sự thị xã Bim Sơn;

-Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÓNG THỊ HÀ

